

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày  
31/12/2016



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 38

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **THÔNG TIN CHUNG**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 29 tháng 02 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ đã được chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 10 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 05 năm 2016.

*Cơ cấu tổ chức:*

Công ty có các đơn vị thành viên như sau:

#### Chi nhánh, văn phòng

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà - Xí nghiệp Sông Đà - Sodic số 1.	Bản Huồi Lốt, xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà - Xí nghiệp Sông Đà - Sodic số 2.	Tầng 2, Tòa nhà CT4, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội.

#### Công ty con

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần cơ điện Sông Đà Sodic.	Số 42 khối Tân Giang, thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.
- Công ty Cổ phần Thủy Điện Sodic Điện Biên	Số 42 khối Tân Giang, thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

Hoạt động chính trong năm của Công ty bao gồm:

- *Khảo sát xây dựng;*
- *Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình ngầm và mỏ, công trình xây dựng cầu đường, công trình thủy lợi, thủy điện hạ tầng kỹ thuật;*
- *Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và thủy điện;*
- *Thi công gia cố và xử lý nền móng công trình;*
- *Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị khảo sát dân dụng, công nghiệp,...*

Công ty có trụ sở tại Tầng 2, tòa nhà CT4, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Đỗ Xuân Luật	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Phan Đình Toại	Thành viên
- Ông Nguyễn Đại Thụ	Thành viên
- Ông Nguyễn Khắc Sơn	Thành viên
- Ông Nguyễn Bá Viện	Thành viên

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

### **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- |                       |                   |
|-----------------------|-------------------|
| - Ông Phan Đình Toại  | Tổng Giám đốc     |
| - Ông Nguyễn Khắc Sơn | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Bá Viện  | Phó Tổng Giám đốc |

### **SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

*Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2017*

Đại diện cho Ban Giám đốc



---

**PHAN ĐÌNH TOẠI**  
**Tổng Giám đốc**

Số: 175/2017/BCKT - BDO

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2017

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016.*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà, được lập ngày 06/06/2017 từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính trong báo cáo số 421/BCKT-TC ngày 24/03/2016.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO**



**PHẠM TIẾN HÙNG**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0752-2013-038-1

**NGUYỄN THỊ LAN HOA**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2003-2016-038-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2016	31/12/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>281.715.872.972</b>	<b>286.370.436.166</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>2.370.822.962</b>	<b>2.374.598.143</b>
1. Tiền	111		2.370.822.962	2.374.598.143
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>193.974.078.992</b>	<b>170.924.083.934</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	157.962.352.516	120.730.276.100
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.063.476.261	26.051.785.361
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.1	190.392.783	3.790.392.783
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	41.513.249.485	37.285.706.279
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(30.755.392.053)	(16.934.076.589)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.6	<b>85.342.981.350</b>	<b>106.685.129.142</b>
1. Hàng tồn kho	141		92.882.428.598	106.685.129.142
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(7.539.447.248)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>27.989.668</b>	<b>6.386.624.947</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.1	9.712.152	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.277.516	5.414.064.525
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10.2	-	972.560.422
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>149.633.266.068</b>	<b>66.065.469.037</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>490.000.000</b>	<b>490.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4.2	470.000.000	470.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.2	20.000.000	20.000.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>16.510.451.674</b>	<b>16.824.781.611</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	16.510.451.674	16.824.781.611
- Nguyên giá	222		40.478.530.954	36.310.890.392
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(23.968.079.280)	(19.486.108.781)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>132.414.000.000</b>	<b>48.714.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2.1	98.290.000.000	32.290.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2.2	23.025.000.000	5.325.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.3	11.099.000.000	11.099.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>218.814.394</b>	<b>36.687.426</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.2	218.814.394	36.687.426
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>431.349.139.040</b>	<b>352.435.905.203</b>



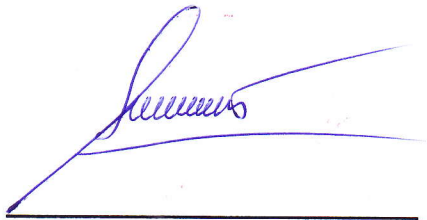
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

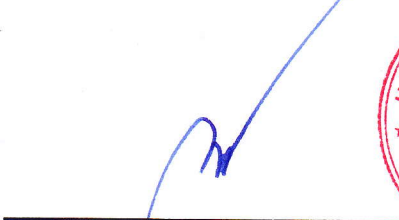
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2016	31/12/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>327.492.527.705</b>	<b>272.860.551.181</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>282.221.272.705</b>	<b>271.035.811.066</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.1	63.662.128.043	64.855.349.067
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.3.2	57.658.386.104	56.863.638.040
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10.1	4.446.503.788	12.028.638.130
4. Phải trả người lao động	314		26.535.587.681	29.390.588.369
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	62.885.238.877	44.538.678.537
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12.1	9.327.069.696	11.757.180.759
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	43.208.738.985	51.514.311.712
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		14.153.140.690	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		344.478.841	87.426.452
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>45.271.255.000</b>	<b>1.824.740.115</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12.2	10.000.000.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	35.271.255.000	1.824.740.115
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>103.856.611.335</b>	<b>79.575.354.022</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.14	<b>103.856.611.335</b>	<b>79.575.354.022</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(82.636.364)	(82.636.364)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		27.171.496.556	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	22.377.199.687
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.276.427.720	1.276.427.720
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.491.323.423	6.004.362.979
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.284.312.516	262.009.229
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.207.010.907	5.742.353.750
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>431.349.139.040</b>	<b>352.435.905.203</b>



NGUYỄN BÁ QUYẾT

Người lập



NGUYỄN KHẮC SƠN

Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2017

PHAN ĐÌNH TOẠI

Tổng Giám đốc

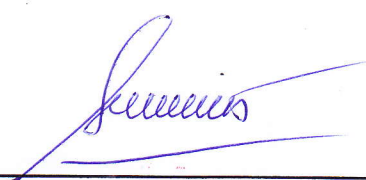
## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

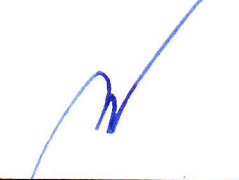
Năm 2016


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2016	NĂM 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	389.440.000.073	277.122.890.699
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1.908.570.148	111.301.232
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>387.531.429.925</b>	<b>277.011.589.467</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	350.383.568.490	251.225.242.630
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>37.147.861.435</b>	<b>25.786.346.837</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.139.583.217	1.538.620.016
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.238.406.943	3.747.642.167
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.219.207.506	3.368.525.247
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	21.801.679.134	16.382.329.012
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>18.247.358.575</b>	<b>7.194.995.674</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.6	9.139.650.827	4.595.142.665
12. Chi phí khác	32	VI.6	6.179.998.495	4.215.995.687
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>2.959.652.332</b>	<b>379.146.978</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>21.207.010.907</b>	<b>7.574.142.652</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	1.831.788.902
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>21.207.010.907</b>	<b>5.742.353.750</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.8</b>	<b>4.241</b>	<b>3.176</b>

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2017

  
**NGUYỄN BÁ QUYẾT**  
 Người lập

  
**NGUYỄN KHẮC SƠN**  
 Kế toán trưởng

  
**PHAN ĐÌNH TOẠI**  
 Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM 2016	NĂM 2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.207.010.907	7.574.142.652
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	4.481.970.499	4.275.056.440
- Các khoản dự phòng	03	35.513.903.402	9.595.376.743
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.205.762.222)	6.958.688
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.800.376.911)	(1.284.969.224)
- Chi phí lãi vay	06	5.219.207.506	3.368.525.247
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	59.415.953.181	23.535.090.546
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(27.963.025.001)	(21.938.369.095)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	13.802.700.544	(56.856.780.861)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	24.457.695.354	63.924.452.823
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(191.839.120)	582.893.841
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.530.671.988)	(3.664.248.069)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.970.090.790)	(2.362.410.145)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(589.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	61.431.722.180	3.220.629.040
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.667.640.562)	(8.278.505.600)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(47.000.680.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.600.000.000	15.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(97.700.000.000)	(42.714.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	14.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	866.201.043	1.445.905.062
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(82.901.439.519)	(81.547.280.538)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	34.820.680.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	120.276.178.834	111.166.267.203
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(98.810.236.676)	(72.159.899.734)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	21.465.942.158	73.827.047.469
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	50	(3.775.181)	(4.499.604.029)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.374.598.143	6.881.160.860
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(6.958.688)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.370.822.962	2.374.598.143

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2017

NGUYỄN BÁ QUYẾT

Người lập

NGUYỄN KHẮC SƠN

Kế toán trưởng

PHAN ĐÌNH TOẠI

Tổng Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### I. THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 29 tháng 02 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ đã được chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 10 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 05 năm 2016.

**Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:**

- *Khảo sát xây dựng;*
- *Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình ngầm và mỏ, công trình xây dựng cầu đường, công trình thủy lợi, thủy điện hạ tầng kỹ thuật;*
- *Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và thủy điện;*
- *Thi công gia cố và xử lý nền móng công trình;*
- *Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị khảo sát dân dụng, công nghiệp,...*

**Công ty có các đơn vị thành viên như sau:**

Chi nhánh, văn phòng

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà - Xí nghiệp Sông Đà - Sodic số 1.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà - Xí nghiệp Sông Đà - Sodic số 2.

Địa chỉ

Bản Huổi Lốt, xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.  
Tầng 2, Tòa nhà CT4, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội.

Công ty con

- Công ty Cổ phần cơ điện Sông Đà Sodic.
- Công ty Cổ phần Thủy Điện Sodic Điện Biên

Địa chỉ

Số 42 khối Tân Giang, thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.  
Số 42 khối Tân Giang, thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

Công ty có trụ sở tại Tầng 2, tòa nhà CT4, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Đến ngày 31/12/2016, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 260 người (tại 31/12/2015 là 250 người).

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Công ty có chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường là 12 tháng.

### II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN.

**Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư sửa đổi số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Niên độ kế toán của Công ty:** Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

**Đồng tiền hạch toán:** Công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****III. CHUẨN MỤC KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các Quyết định và Thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

*Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch gồm:*

- + *Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Doanh thu, Thu nhập khác, Chi phí sản xuất kinh doanh, Chi phí khác, Tài sản, Vốn chủ sở hữu, Các khoản phải thu, Vốn bằng tiền, Trả trước cho người bán, Các khoản phải trả, Nhận trước tiền của người mua.

Trường hợp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ có liên quan đến doanh thu nhận trước, hoặc nhận trước tiền của người mua: Doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)

Trường hợp mua tài sản có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán: Giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán.

#### + Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh:

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi giảm: Các khoản phải thu, Khoản nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu, Các khoản ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước, Các khoản phải trả, Khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.

Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản phải thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch với đối tượng đó.

#### + Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

#### Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại cuối kỳ:

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Tỷ giá áp dụng để đánh giá là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại tại thời điểm 31/12/2016. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại tại thời điểm 31/12/2016.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

#### Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và các khoản đầu tư khác.

#### Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, theo đó giá gốc của khoản đầu tư được xác định bằng giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng được lập khi giá trị của các khoản đầu tư đang ghi nhận trên sổ kế toán cao hơn giá trị thị trường hoặc phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kê khai thường xuyên.

*Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho:* Bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong đó Công ty đang áp dụng khấu hao nhanh 02 lần đối với tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể:

<i>Tài sản</i>	<i>Khung khấu hao</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	06 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 năm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn.
- Các chi phí trả trước khác.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc niên độ là các khoản chi phí trích trước cho công trình.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ nợ (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho một khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi Công ty dự tính một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

**Dự phòng chi phí bảo hành**

Công ty đang thực hiện trích trước chi phí bảo hành các công trình theo tỷ lệ 2 - 5 % giá trị quyết toán của các công trình.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 là số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Cổ tức được phân chia cho các cổ đông từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn thực tế của từng cổ đông.

#### **Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- + Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định.
- + Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi, cổ tức được chia. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp đã xuất bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**Chi phí quản lý doanh nghiệp**

*Chi phí quản lý doanh nghiệp* bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (*tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...*); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

**Thuế*****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tại Văn phòng Công ty: 20%

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi nhánh Sông Đà - Sodic 1: Chi nhánh được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong vòng 9 năm theo khoản 1 điều 15 Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013.

*Các loại thuế khác* được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2016	31/12/2015
Tiền mặt tại quỹ	(i)	11.447.173	92.535.601
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	2.359.375.789	2.282.062.542
Tiền đang chuyển		-	-
Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>Cộng</b>		<b>2.370.822.962</b>	<b>2.374.598.143</b>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2016 bao gồm:

	Ngoại tệ	VND
Đồng Việt Nam (VND)	-	11.447.173
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>11.447.173</b>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2016 bao gồm:

	Ngoại tệ	VND
+ Tiền gửi VND tại Ngân hàng NN & PTNN - CN Nhân Chính		5.726.034
+ Tiền gửi VND tại Ngân hàng Công thương Hà Tây		58.612.740
+ Tiền gửi VND tại Ngân hàng SHB - Cầu Giấy		18.004.951
+ Tiền gửi VND tại Ngân hàng TMCP Quân Đội		1.868.010.138
+ Tiền gửi VND tại Ngân hàng ĐT & PT VN - Sở giao dịch 1		11.230.023
+ Tiền gửi VND tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàng Quốc Việt		2.117.470
+ Tiền gửi VND tại Ngân hàng ĐT & PT VN - Thanh xuân		1.901.760
+ Tiền gửi VND tại Ngân hàng ĐT & PT VN - CN Điện Biên		156.164.387
+ Tiền gửi VND tại Ngân hàng ĐT & PT VN - CN Thanh Trì		211.113.041
+ Tiền gửi VND tại Ngân hàng OCB - PGD Tràng An		19.676.817
+ Tiền gửi USD tại Ngân hàng ĐT & PT VN - Sở giao dịch 1	100	2.226.000
+ Tiền gửi USD tại Ngân hàng ĐT & PT VN - CN Thanh Trì	109,79	2.282.389
+ Tiền gửi USD tại Ngân hàng OCB - PGD Tràng An	103,45	2.310.039
<b>Cộng</b>		<b>2.359.375.789</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Phòng 302, nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

## 2. Các khoản đầu tư tài chính

## 2.1. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Cộng

	31/12/2016	31/12/2015
	98.290.000.000	32.290.000.000
	23.025.000.000	5.325.000.000
	11.099.000.000	11.099.000.000
<b>Cộng</b>	<b>132.414.000.000</b>	<b>48.714.000.000</b>

## 2.1.1 Các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con

	31/12/2016			31/12/2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Cơ điện Sông Đà Sodic	2.290.000.000	-	2.290.000.000	2.290.000.000	-	2.290.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sodic Điện Biên	96.000.000.000	-	96.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>98.290.000.000</b>	<b>-</b>	<b>98.290.000.000</b>	<b>32.290.000.000</b>	<b>-</b>	<b>32.290.000.000</b>

## 2.1.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh	31/12/2016			31/12/2015		
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Thanh Hà	Xây lắp	24,2%	5.325.000.000	-	24,2%	5.325.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sông Đà 7.09	Xây lắp	49,38%	17.700.000.000	-	0%	-	-
<b>Cộng</b>			<b>23.025.000.000</b>	<b>-</b>		<b>5.325.000.000</b>	<b>-</b>

## 2.1.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh	31/12/2016			31/12/2015		
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Toàn Cầu DATC	Xây lắp	5%	7.099.000.000	-	6%	7.099.000.000	-
Công ty Cổ phần công trình ngầm Fecon	Xây lắp	7,8%	4.000.000.000	-	19,5%	4.000.000.000	-
<b>Cộng</b>			<b>11.099.000.000</b>	<b>-</b>		<b>11.099.000.000</b>	<b>-</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****3. Phải thu khách hàng****3.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Samwhan corporation	36.898.987.635	5.225.567.525
Ban điều hành Dự án Thủy Điện Đồng Nai 5	31.949.332.223	32.643.997.180
Ban điều hành Dự án Thủy Điện Huội Quảng	18.769.166.460	15.507.343.868
Ban điều hành Dự án Thủy Điện XK3	15.104.536.922	15.965.536.910
Công ty TNHH MTV Sodic Điện Biên	13.199.023.526	-
Các khách hàng khác	42.041.305.750	51.387.830.617
<b>Cộng</b>	<b><u>157.962.352.516</u></b>	<b><u>120.730.276.100</u></b>

**3.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Công ty TNHH MTV Sodic Điện Biên	21.846.504.152	10.000.000.000
Samwhan corporation	3.080.356.536	19.814.608.005
Công ty Điện lực Điện Biên	3.692.200.629	4.181.360.540
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	3.229.000.000	3.229.000.000
Vientiane automation & solution engineering	21.002.686.194	-
Ban điều hành Dự án Thủy Điện Huội Quảng	-	7.296.587.109
Các khách hàng khác	4.807.638.593	12.342.082.386
<b>Cộng</b>	<b><u>57.658.386.104</u></b>	<b><u>56.863.638.040</u></b>

**4. Phải thu về cho vay****4.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Ông Phan Anh Tuấn	-	100.000.000
Ông Phạm Văn Tuấn	-	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	190.392.783	190.392.783
<b>Cộng</b>	<b><u>190.392.783</u></b>	<b><u>3.790.392.783</u></b>

**4.2 Phải thu về cho vay dài hạn**

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Công ty CP Bất động sản Đồng Phát	200.000.000	200.000.000
Ông Bùi Đình Ảnh	150.000.000	150.000.000
Ông Phạm Đình Phôn	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Quang	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Hồng Phong	30.000.000	30.000.000
Ông Vũ Đức Luân	30.000.000	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>470.000.000</u></b>	<b><u>470.000.000</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****5. Các khoản phải thu khác****5.1. Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2016	31/12/2015
Lãi cho vay	134.508.084	61.689.515
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	4.861.357.299	-
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	71.192.682	34.466.221
Tạm ứng	17.466.249.471	7.976.387.127
Ký cược, ký quỹ	18.654.477.778	19.950.049.717
Phải thu khác	325.464.171	9.263.113.699
<b>Cộng</b>	<b>41.513.249.485</b>	<b>37.285.706.279</b>

**5.2. Phải thu khác dài hạn**

Ký cược, ký quỹ	20.000.000	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000</b>	<b>20.000.000</b>

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	31.420.000	-	13.818.182	-
Công cụ dụng cụ	-	-	9.801.818	-
Chi phí SXKD dở dang	92.651.934.790	(7.539.447.248)	106.514.862.709	-
Hàng hoá	199.073.808	-	146.646.433	-
<b>Cộng</b>	<b>92.882.428.598</b>	<b>(7.539.447.248)</b>	<b>106.685.129.142</b>	<b>-</b>

Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: 0 đồng

**7. Chi phí trả trước**

	31/12/2016	31/12/2015
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.822.000	-
- Các khoản khác	5.890.152	-
<b>Cộng</b>	<b>9.712.152</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	77.272.727	36.687.426
- Các khoản khác	141.541.667	-
<b>Cộng</b>	<b>218.814.394</b>	<b>36.687.426</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2016	7.122.548.727	24.395.980.627	4.695.661.038	96.700.000	-	36.310.890.392
Mua trong năm	-	4.055.140.562	73.000.000	39.500.000	-	4.167.640.562
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>7.122.548.727</b>	<b>28.451.121.189</b>	<b>4.768.661.038</b>	<b>136.200.000</b>	<b>-</b>	<b>40.478.530.954</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2016	1.198.149.301	16.188.856.014	2.012.403.466	86.700.000	-	19.486.108.781
Khấu hao trong năm	284.901.948	3.131.735.211	1.042.166.676	23.166.664	-	4.481.970.499
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>1.483.051.249</b>	<b>19.320.591.225</b>	<b>3.054.570.142</b>	<b>109.866.664</b>	<b>-</b>	<b>23.968.079.280</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2016	5.924.399.426	8.207.124.613	2.683.257.572	10.000.000	-	16.824.781.611
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>5.639.497.478</b>	<b>9.130.529.964</b>	<b>1.714.090.896</b>	<b>26.333.336</b>	<b>-</b>	<b>16.510.451.674</b>

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

14.938.274.576 đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố cho vay:

12.120.147.512 đồng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

#### 9. Phải trả người bán

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<u>9.1 Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</u>				
Công ty TNHH MTV Lập Thành Tài	4.910.488.556	4.910.488.556	7.695.955.684	7.695.955.684
Công ty CP Cơ điện Sông Đà Sodic	7.621.272.294	7.621.272.294	19.164.059.672	19.164.059.672
Công ty CP Sông Đà 3	17.926.679.365	17.926.679.365	10.631.033.454	10.631.033.454
Công ty CP Licogi 13	8.573.681.327	8.573.681.327	-	-
Công ty TNHH KDTM Hải Yến	4.809.200.000	4.809.200.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	19.820.806.501	19.820.806.501	27.364.300.257	27.364.300.257
<b>Cộng</b>	<b>63.662.128.043</b>	<b>63.662.128.043</b>	<b>64.855.349.067</b>	<b>64.855.349.067</b>
<u>9.2 Các khoản phải trả người bán dài hạn</u>				
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

#### 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

##### 10.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
Thuế giá trị gia tăng	5.986.887.001	1.268.560.463	6.499.361.686	756.085.778
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.801.879.732	892.018.036	3.970.090.790	2.723.806.978
Thuế thu nhập cá nhân	239.871.397	702.153.522	256.428.011	685.596.908
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	283.924.625	2.910.501	281.014.124
<b>Cộng</b>	<b>12.028.638.130</b>	<b>3.151.656.646</b>	<b>10.733.790.988</b>	<b>4.446.503.788</b>

##### 10.2 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
Thuế giá trị gia tăng	972.560.422	972.560.422	-	-
<b>Cộng</b>	<b>972.560.422</b>	<b>972.560.422</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

#### 11. Chi phí phải trả

	31/12/2016	31/12/2015
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>		
Trích trước chi phí công trình	62.885.238.877	44.538.678.537
<b>Cộng</b>	<b>62.885.238.877</b>	<b>44.538.678.537</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****12. Phải trả khác**

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
- Kinh phí công đoàn;	417.697.255	417.697.255	261.622.992	261.622.992
- BHXH, BHYT, BHTN;	1.024.267.543	1.024.267.543	930.225.945	930.225.945
- Phải trả phải nộp khác	7.885.104.898	7.885.104.898	10.565.331.822	10.565.331.822
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	1.846.628.396	1.846.628.396	1.846.628.396	1.846.628.396
<i>Thuế TNCN đã thu của CBCNV</i>	364.408.772	364.408.772	364.408.772	364.408.772
<i>Lãi vay phải trả</i>	1.649.987.362	1.649.987.362	16.189.948	16.189.948
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 3</i>	-	-	4.247.000.000	4.247.000.000
<i>Hoàng Thị Tuyết (ủy thác đầu tư)</i>	-	-	3.675.000.000	3.675.000.000
<i>Công ty CPĐT và XD Sông Đà HB</i>	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	524.080.368	524.080.368	416.104.706	416.104.706
<b>Cộng</b>	<b>9.327.069.696</b>	<b>9.327.069.696</b>	<b>11.757.180.759</b>	<b>11.757.180.759</b>
<i>Phải trả dài hạn khác</i>				
<i>Phan Đình Toại (ủy thác đầu tư)</i>	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ  
Phòng 302, nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

##### 13. Vay và nợ thuê tài chính

##### 13.1 Các khoản vay

	31/12/2015 (Phân loại lại)		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	11.939.325.167	11.939.325.167	2.294.035.090	14.233.360.257	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	38.160.586.545	38.160.586.545	62.669.064.329	73.318.711.419	27.510.939.455	27.510.939.455
Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam	-	-	14.188.039.415	-	14.188.039.415	14.188.039.415
Ông Nguyễn Khắc Sơn	230.000.000	230.000.000	9.600.000.000	9.830.000.000	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>						
Ngân hàng TMCP Quân đội	454.400.000	454.400.000	454.740.115	454.400.000	454.740.115	454.740.115
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam	730.000.000	730.000.000	1.055.020.000	730.000.000	1.055.020.000	1.055.020.000
<b>Cộng</b>	<b>51.514.311.712</b>	<b>51.514.311.712</b>	<b>90.260.898.949</b>	<b>98.566.471.676</b>	<b>43.208.738.985</b>	<b>43.208.738.985</b>
<b>Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Quân đội	454.740.115	454.740.115	-	454.740.115	-	-
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam	1.370.000.000	1.370.000.000	650.040.000	1.298.785.000	721.255.000	721.255.000
Bà Hoàng Thị Tuyết	-	-	3.675.000.000	-	3.675.000.000	3.675.000.000
Ông Phan Đình Toại	-	-	1.700.000.000	-	1.700.000.000	1.700.000.000
Ông Nguyễn Khắc Sơn	-	-	13.175.000.000	-	13.175.000.000	13.175.000.000
Công ty CP cơ điện Sông Đà SODIC	-	-	16.000.000.000	-	16.000.000.000	16.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.824.740.115</b>	<b>1.824.740.115</b>	<b>35.200.040.000</b>	<b>1.753.525.115</b>	<b>35.271.255.000</b>	<b>35.271.255.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Phòng 302, nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

13. *Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)*13.2 *Chi tiết các khoản vay ngắn hạn*

Bên cho vay	Hạn mức	Số dư cuối năm	Thời hạn vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
<b><u>Vay ngắn hạn</u></b>					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5000517/HĐTDHM ngày 9/8/2016 - sửa đổi ngày 1/7/2016	70.000.000.000	27.510.939.455	6 tháng	lãi suất thả nổi (lãi suất tiết kiệm)	Thế chấp bằng máy móc thiết bị, quyền tài sản VP làm việc, xe ô tô
Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam Hợp đồng tín dụng số 0032/2016/HĐTDHM ngày 8/7/2016	50.000.000.000	14.188.039.415	6 tháng	lãi suất thả nổi	Quyền tài sản VP làm việc, quyền đối với dòng tiền
<b><u>Vay dài hạn đến hạn trả</u></b>					
Ngân hàng TMCP Quân đội Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 462.14.056.803999.TD ngày 26/11/2014		224.340.115	36 tháng	lãi suất thả nổi	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 501.14.056.803999.TD ngày 16/12/2014		230.400.000	36 tháng	lãi suất thả nổi	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam Hợp đồng tín dụng số 03/2015/5000517/HĐTDHM ngày 17/11/2015		550.000.000	36 tháng	lãi suất thả nổi	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng tín dụng số 01/2015/5000517/HĐTDHM ngày 25/4/2015		180.000.000	36 tháng	lãi suất thả nổi	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5000517/HĐTDHM ngày 3/3/2016		325.020.000	24 tháng	lãi suất thả nổi	Tài sản hình thành từ vốn vay
<b>Cộng</b>		<b>43.208.738.985</b>			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ  
Phòng 302, nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

##### 13. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

##### 13.3 Chi tiết các khoản vay dài hạn

Bên cho vay	Số dư cuối năm	Thời hạn vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
<b>Ngân hàng TMCP Quân đội</b> <i>Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 462.14.056.803999.TD ngày 26/11/2014</i>	-	36 tháng	<i>lãi suất thả nổi</i>	<i>Tài sản hình thành từ vốn vay</i>
<i>Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 501.14.056.803999.TD ngày 16/12/2014</i>	-	36 tháng	<i>lãi suất thả nổi</i>	<i>Tài sản hình thành từ vốn vay</i>
<b>Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam</b> <i>Hợp đồng tín dụng số 03/2015/5000517/HĐTDHM ngày 17/11/2015</i>	550.000.000	36 tháng	<i>lãi suất thả nổi</i>	<i>Tài sản hình thành từ vốn vay</i>
<i>Hợp đồng tín dụng số 01/2015/5000517/HĐTDHM ngày 25/4/2015</i>	90.000.000	36 tháng	<i>lãi suất thả nổi</i>	<i>Tài sản hình thành từ vốn vay</i>
<i>Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5000517/HĐTDHM ngày 3/3/2016</i>	81.255.000	24 tháng	<i>lãi suất thả nổi</i>	<i>Tài sản hình thành từ vốn vay</i>
Bà Hoàng Thị Tuyết	3.675.000.000	24 tháng	10.5%/năm	Tin chấp
Ông Phan Đình Toại	1.700.000.000	24 tháng	10.9%/năm	Tin chấp
Ông Nguyễn Khắc Sơn	13.175.000.000	24 tháng	10.9%/năm	Tin chấp
Công ty CP cơ điện Sông Đà SODIC	16.000.000.000	24 tháng	10.5%/năm	Tin chấp
<b>Cộng</b>	<b>35.271.255.000</b>			

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

14. *Vốn chủ sở hữu*

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Vốn khác của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	15.179.320.000	-	-	1.276.427.720	14.556.018.247	10.511.719.785	41.523.485.752
Tăng vốn trong năm trước	34.820.680.000	-	-	-	-	5.742.353.750	40.563.033.750
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	262.009.444	262.009.444
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	(1.821.518.400)	(1.821.518.400)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	7.821.181.440	(8.690.201.600)	(869.020.160)
Giảm khác	-	(82.636.364)	-	-	-	-	(82.636.364)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	50.000.000.000	(82.636.364)	-	1.276.427.720	22.377.199.687	6.004.362.979	79.575.354.022
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	21.207.010.907	21.207.010.907
Tăng khác	-	-	27.171.496.556	-	-	3.920.298.795	31.091.795.351
Giảm vốn trong năm nay (*)	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	4.794.296.869	(5.640.349.258)	(846.052.389)
Giảm khác	-	-	-	(27.171.496.556)	-	-	(27.171.496.556)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	50.000.000.000	(82.636.364)	27.171.496.556	1.276.427.720	-	25.491.323.423	103.856.611.335

(\*) Trong năm Công ty thực hiện chuyển nguồn quỹ đầu tư phát triển sang vốn khác theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 60/2016/QĐ-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2016.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

#### 14. *Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)*

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp			Vốn thực góp tại 31/12/2016		
	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ
Công ty CP Tư vấn Sông Đà	218.213	2.182.130.000	4,0%	198.375	1.983.750.000	4,0%
Bà Nguyễn Thị Tuyền	440.000	4.400.000.000	8,0%	400.000	4.000.000.000	8,0%
Ông Phan Đình Toại	1.561.127	15.611.270.000	28,4%	1.419.206	14.192.060.000	28,4%
Ông Đỗ Xuân Luật	14.548	145.480.000	0,3%	13.225	132.250.000	0,3%
Ông Nguyễn Khắc Sơn	699.432	6.994.320.000	12,7%	635.847	6.358.470.000	12,7%
Ông Nguyễn Văn Tuấn	557.274	5.572.740.000	10,1%	506.612	5.066.120.000	10,1%
Bà Phan Thị Thanh Nga	546.775	5.467.750.000	9,9%	497.068	4.970.680.000	9,9%
Bà Hoàng Thị Tuyết	412.500	4.125.000.000	7,5%	375.000	3.750.000.000	7,5%
Các cổ đông khác	1.050.131	10.501.310.000	19,1%	954.667	9.546.670.000	19,1%
<b>Cộng</b>	<b>5.500.000</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>5.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	2016	2015
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	50.000.000.000	15.179.320.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	34.820.680.000
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	50.000.000.000	50.000.000.000

Cổ phiếu:

	31/12/2016	31/12/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	2016	2015
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>389.440.000.073</b>	<b>277.122.890.699</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	16.709.161.366	54.087.549.012
Doanh thu hợp đồng xây dựng	372.730.838.707	222.375.341.687
Doanh thu hoạt động khác	-	660.000.000
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>1.908.570.148</b>	<b>111.301.232</b>
<i>Giảm theo giá trị quyết toán được duyệt</i>	<i>1.908.570.148</i>	<i>111.301.232</i>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>387.531.429.925</b>	<b>277.011.589.467</b>

**2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	2016	2015
Giá vốn hàng hoá đã bán	13.335.609.077	40.831.674.926
Giá vốn hoạt động xây lắp	337.047.959.413	209.953.506.704
Giá vốn hoạt động khác	-	440.061.000
<b>Cộng</b>	<b>350.383.568.490</b>	<b>251.225.242.630</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2016	2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	939.019.612	1.284.969.224
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.861.357.299	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.339.206.306	253.650.792
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.139.583.217</b>	<b>1.538.620.016</b>

**4. Chi phí tài chính**

	2016	2015
Lãi tiền vay	5.219.207.506	3.368.525.247
Lỗ chênh lệch tỷ giá	19.199.437	379.116.920
Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.238.406.943</b>	<b>3.747.642.167</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)****5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2016	2015
- Chi phí nhân viên quản lý	4.563.263.016	3.998.545.273
- Chi phí vật liệu quản lý	192.956.400	197.469.902
- Chi phí đồ dùng văn phòng	229.045.138	87.166.479
- Chi phí khấu hao TSCĐ	416.704.976	443.538.312
- Thuế, phí và lệ phí	5.548.182	107.106.381
- Chi phí dự phòng	15.046.315.464	9.595.376.743
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	815.851.707	1.405.488.291
- Chi khác bằng tiền	531.994.251	547.637.631
<b>Cộng</b>	<b>21.801.679.134</b>	<b>16.382.329.012</b>

**6. Thu nhập khác và chi phí khác**

	2016	2015
<b>Thu nhập khác</b>	<b>9.139.650.827</b>	<b>4.595.142.665</b>
- Lãi do đánh giá lại tài sản	-	-
- Thu bảo hiểm rủi ro xây dựng công trình	451.191.164	-
- Bán vật liệu nổ	-	95.142.665
- Chuyển nhượng dự án	3.897.800.000	4.500.000.000
- Thu nhập khác	4.790.659.663	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>6.179.998.495</b>	<b>4.215.995.687</b>
- Chi phí các công trình đã quyết toán	819.564.188	182.301.468
- Chi phí bảo hiểm rủi ro xây dựng công trình	451.191.164	-
- Các khoản bị phạt	1.206.311.392	125.000.000
- Tiền chậm nộp thuế, hồ sơ thầu,..	-	33.988.511
- Chi phí chuyển nhượng dự án	3.543.454.545	3.769.036.548
- Các khoản chi phí khác	159.477.206	105.669.160
<b>Lợi nhuận (lỗ) khác thuần</b>	<b>2.959.652.332</b>	<b>379.146.978</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

#### 7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

##### 7.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2016	2015
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	1.831.788.902
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNNH của năm nay	892.018.036	-
<b>Cộng</b>	<b>892.018.036</b>	<b>1.831.788.902</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	2016	2015
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	21.207.010.907	7.574.142.652
<u>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</u>	<u>(4.707.330.923)</u>	<u>752.170.537</u>
<u>Các khoản điều chỉnh tăng</u>	<u>1.359.788.598</u>	<u>752.170.537</u>
Các khoản phạt	1.200.108.126	125.000.000
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	159.680.472	627.170.537
<u>Các khoản điều chỉnh giảm</u>	<u>(6.067.119.521)</u>	<u>-</u>
Cổ tức được chia	(4.861.357.299)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản tiền, phải thu có gốc ngoại tệ	(1.205.762.222)	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	16.499.679.984	8.326.313.189
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>16.499.679.984</b>	<b>8.326.313.189</b>
Trong đó: - Thu nhập chịu thuế tại Văn phòng Công ty	(2.272.622.287)	8.326.313.189
- Thu nhập được miễn thuế tại chi nhánh Sodici 1	18.772.302.271	-
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	-	1.831.788.902
<b>Thuế TNDN phải trả đầu năm</b>	<b>5.801.879.732</b>	<b>6.332.500.975</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	892.018.036	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(3.970.090.790)	(2.362.410.145)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>2.723.806.978</b>	<b>5.801.879.732</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

#### 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Công ty chưa tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính hoặc do thiếu thông tin về thị trường.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	2016	2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.207.010.907	5.742.353.750
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	21.207.010.907	5.742.353.750
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	1.808.104
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.241</b>	<b>3.176</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	2016	2015
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	5.000.000	1.517.932
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	290.172
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	1.808.104

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Công cụ tài chính

##### 1.1 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

##### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi, vay và nợ, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

##### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****1. Công cụ tài chính (tiếp theo)****1.1 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty duy trì số dư tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ ở mức độ hợp lý để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng thường xuyên và đảm bảo nghĩa vụ phải trả đến hạn bằng tiền có gốc ngoại tệ.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, khoản phải thu khách hàng. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

**Tiền gửi ngân hàng**

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi ở các tổ chức tín dụng có uy tín. Do vậy, Ban giám đốc Công ty nhận thấy rằng không có bất kỳ rủi ro tín dụng đáng kể nào đối với khoản tiền gửi ngân hàng này và không cho rằng các tổ chức tín dụng này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**Phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu có rủi ro đã được trích lập dự phòng như số liệu đã trình bày trên bảng cân đối kế toán.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<i>Không kỳ hạn</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 - 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	2.370.822.962	-	2.370.822.962
Các khoản đầu tư	-	-	132.414.000.000	132.414.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	-	199.475.602.001	20.000.000	199.495.602.001
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	190.392.783	470.000.000	660.392.783
<b>Cộng</b>	-	<b>202.036.817.746</b>	<b>132.904.000.000</b>	<b>334.940.817.746</b>
<b>Ngày 31/12/2016</b>				
Các khoản vay	-	43.208.738.985	35.271.255.000	78.479.993.985
Phải trả người bán và phải trả khác	-	72.989.197.739	10.000.000.000	82.989.197.739
Chi phí phải trả	-	62.885.238.877	-	62.885.238.877
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	14.153.140.690	-	14.153.140.690
<b>Cộng</b>	-	<b>179.083.175.601</b>	<b>45.271.255.000</b>	<b>224.354.430.601</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	-	<b>22.953.642.145</b>	<b>87.632.745.000</b>	<b>110.586.387.145</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****1. Công cụ tài chính (tiếp theo)****1.1 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

	Không kỳ hạn	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
<b>Ngày 31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	2.374.598.143	-	2.374.598.143
Các khoản đầu tư	-	-	48.714.000.000	48.714.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	-	158.015.982.379	20.000.000	158.035.982.379
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	3.790.392.783	470.000.000	4.260.392.783
<b>Cộng</b>	-	<b>164.180.973.305</b>	<b>49.204.000.000</b>	<b>213.384.973.305</b>
<b>Ngày 31/12/2015</b>				
Các khoản vay	-	51.514.311.712	1.824.740.115	53.339.051.827
Phải trả người bán và phải trả khác	-	76.612.529.826	-	76.612.529.826
Chi phí phải trả	-	44.538.678.537	-	44.538.678.537
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>172.665.520.075</b>	<b>1.824.740.115</b>	<b>174.490.260.190</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	-	<b>(8.484.546.770)</b>	<b>47.379.259.885</b>	<b>38.894.713.115</b>

**1.2 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.370.822.962	2.374.598.143	2.370.822.962	2.374.598.143
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	132.414.000.000	48.714.000.000	132.414.000.000	48.714.000.000
- Giá gốc	132.414.000.000	48.714.000.000	132.414.000.000	48.714.000.000
- Dự phòng	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	157.962.352.516	120.730.276.100	131.807.380.117	108.854.202.365
Các khoản phải thu khác	41.533.249.485	37.305.706.279	41.533.249.485	36.738.123.079
Phải thu về cho vay	660.392.783	4.260.392.783	660.392.783	4.260.392.783
	<b>334.940.817.746</b>	<b>213.384.973.305</b>	<b>308.785.845.347</b>	<b>200.941.316.370</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### 1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

##### 1.2 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	78.479.993.985	53.339.051.827	78.479.993.985	53.339.051.827
Phải trả người bán	63.662.128.043	64.855.349.067	63.662.128.043	64.855.349.067
Chi phí phải trả	62.885.238.877	44.538.678.537	62.885.238.877	44.538.678.537
Phải trả, phải nộp khác	19.327.069.696	11.757.180.759	19.327.069.696	11.757.180.759
Dự phòng phải trả ngắn hạn	14.153.140.690	-	14.153.140.690	-
	<b>238.507.571.291</b>	<b>174.490.260.190</b>	<b>238.507.571.291</b>	<b>174.490.260.190</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng được xác định bằng giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng đã trích lập.

#### 2. Thông tin về các bên có liên quan

##### Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty bao gồm:

##### Bên liên quan

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà

Ông Đỗ Xuân Luật

Ông Phan Đình Toại

Ông Nguyễn Khắc Sơn

Ông Phạm Văn Tuấn

Công ty Cổ phần Cơ điện Sông Đà Sodic

Công ty Cổ phần Thủy điện Sodic Điện Biên

Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Thanh Hà

Công ty TNHH MTV Sông Đà 7.09

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cổ đông khác

##### Mối quan hệ

Cổ đông

Cổ đông, Chủ tịch HĐQT

Cổ đông, Tổng Giám đốc

Cổ đông, Phó Tổng Giám đốc

Giám đốc chi nhánh

Công ty con

Công ty con

Công ty liên kết

Công ty liên kết

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### 2. Thông tin về các bên có liên quan (tiếp theo)

##### Nghiệp vụ với các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị (VND)</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Sodic Điện Biên	Bán hàng	78.007.261.354
Công ty TNHH MTV Sông đà 7.09	Góp vốn liên doanh, liên kết	17.700.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sodic Điện Biên	Góp vốn vào công ty con	66.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Sông Đà Sodic	Mua hàng	9.128.167.825
Công ty Cổ phần Cơ điện Sông Đà Sodic	Vay dài hạn	16.000.000.000
Ông Phan Đình Toại	Nhận tiền ủy thác đầu tư	10.000.000.000
Ông Phan Đình Toại	Vay dài hạn	1.700.000.000
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Vay dài hạn	13.175.000.000
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Vay ngắn hạn	9.600.000.000
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Thanh toán tiền vay ngắn hạn	9.830.000.000
Bà Hoàng Thị Tuyết	Vay dài hạn	3.675.000.000
Ông Phạm Văn Tuấn	Thu hồi tiền cho vay	3.500.000.000

##### Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
<b>I. Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Thủy điện Sodic Điện Biên	13.199.023.526	-
<b>II. Người mua trả tiền trước</b>		
Công ty Cổ phần Thủy điện Sodic Điện Biên	21.846.504.152	10.000.000.000
<b>III. Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần Cơ điện Sông Đà Sodic	4.868.164.099	6.806.800
Công ty Cổ phần Thủy điện Sodic Điện Biên	11.786.876	44.788.436
<b>IV. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh (giá gốc)</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Thanh Hà	5.325.000.000	5.325.000.000
Công ty TNHH MTV Sông đà 7.09	17.700.000.000	-
<b>V. Phải trả người bán</b>		
Công ty Cổ phần Cơ điện Sông Đà Sodic	7.621.272.294	19.164.059.672
<b>VI. Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần Cơ điện Sông Đà Sodic	858.666.667	-
<b>VII. Phải trả dài hạn khác</b>		
Ông Phan Đình Toại	10.000.000.000	-
<b>VIII. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>		
Ông Nguyễn Khắc Sơn	-	230.000.000
<b>IX. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>		
Bà Hoàng Thị Tuyết	3.675.000.000	-
Ông Phan Đình Toại	1.700.000.000	-
Ông Nguyễn Khắc Sơn	13.175.000.000	-
Công ty CP cơ điện Sông Đà SODIC	16.000.000.000	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

#### 2. Thông tin về các bên có liên quan (tiếp theo)

##### *Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác*

Giá dịch vụ, hàng hoá của các bên liên quan cung cấp là giá thoả thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

#### 3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Trong năm 2016, Công ty đã làm hồ sơ gửi Ủy ban chứng khoán Nhà Nước về phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức, số cổ phiếu phát hành thêm là 500.000 cổ phiếu, tương đương 5.000.000.000 đồng. Ngày 22/03/2017, theo Công văn số 1497/UBCK-QLCB Ủy ban chứng khoán Nhà Nước đã nhận được đầy đủ tài liệu Báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức của Công ty và chấp thuận kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức theo Công văn số 2213/UBCK-QLCB ngày 23 tháng 4 năm 2017.

#### 4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Thăng Long - T.D.K. Trong đó, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được chuyển đổi từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp theo hướng dẫn tại Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh lại theo công văn số 12/Sodic ngày 16 tháng 02 năm 2017 và phân loại lại cho phù hợp. Cụ thể:

Chỉ tiêu	Mã số	Số trước điều	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	50.329.911.712	51.514.311.712	1.184.400.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	3.009.140.115	1.824.740.115	(1.184.400.000)
<b>Cộng</b>		<b>53.339.051.827</b>	<b>53.339.051.827</b>	<b>-</b>
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>				
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	32.714.000.000	42.714.000.000	10.000.000.000
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	261.958.470.418	251.958.470.418	(10.000.000.000)
<b>Cộng</b>		<b>294.672.470.418</b>	<b>294.672.470.418</b>	<b>-</b>

#### 5. Thông tin về hoạt động liên tục

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2017

  
NGUYỄN BÁ QUYẾT  
Người lập

  
NGUYỄN KHẮC SƠN  
Kế toán trưởng

  
PHAN ĐÌNH TOẠI  
Tổng Giám đốc

